

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 30 – 01 – 2024

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Y.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân M – Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Phạm Duy K, bà Nguyễn Thị Thúy C, ông Đoàn Vũ Hoài N; Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số F L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

+ Bà Đỗ Thị Thanh H – Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số A ngõ A T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

- Bị đơn: Công ty TNHH M1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Xuân C1 – Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Ngày 20/7/2022, Cổ phần Y (gọi tắt là Công ty Y) có ký kết Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI với Công ty TNHH M1 (gọi tắt là Công ty M1) với nội dung Công ty Y có đặt mua của Công ty M1 máy tiện với giá 712.800.000đ và đặt trước trước 20% giá trị hợp đồng số tiền là 142.560.000đ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do Công ty M1 bàn giao không đúng thiết bị đã được Công ty Y đặt mua nên đến ngày 21/12/2022 hai công ty đã đi đến thống nhất phương án hủy Hợp đồng mua bán nêu trên. Tại Biên bản hủy hợp đồng ngày 21/12/2022, hai công ty đã thống nhất hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI ngày 20/7/2022 và Công ty M1 có trách nhiệm thanh toán trả lại cho Công ty Y số tiền đặt trước là 142.560.000đ trong tháng 12/2022. Tuy nhiên, khi đã hết thời hạn thanh toán hai bên thỏa thuận, Công ty M1 vẫn chưa trả lại tiền đặt trước là 142.560.000đ cho Công ty Y.

Đến ngày 15/02/2023, Công ty Y tiến hành làm việc với Công ty M1. Tại biên bản làm việc ngày 15/02/2023 hai bên tiếp tục thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán số tiền 142.560.000đ đến ngày 15/03/2023 và thỏa thuận thêm về việc tính lãi đối với số tiền trên với lãi suất 1%/tháng từ ngày 20/02/2023 cho đến khi Công ty M1 trả xong. Tuy nhiên, Công ty M1 tiếp tục vi phạm thỏa thuận nêu trên.

Do vậy, Công ty Y đã tiến hành khởi kiện đối với Công ty M1 và yêu cầu Công ty M1 phải hoàn trả ngay cho Công ty Y số tiền đã đặt trước là 142.560.000đ và tiền lãi của số tiền trên với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 20/02/2023 cho đến khi xét xử vụ án.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày quan điểm như sau: Ông Đồng Xuân C1 là giám đốc Công ty M1 thừa nhận nội dung sự việc như đơn khởi kiện của Công ty Y trình bày là đúng. Cụ thể, ngày 20/7/2022, Công ty M1 có ký kết với Công ty Y Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI với nội dung Công ty M1 bán cho

Công ty Y 02 máy tiện với giá 712.800.000đ và đã nhận số tiền đặt trước là 142.560.000đ tương ứng với 20% giá trị hợp đồng. Trong quá trình thực hiện vì nhiều lý do khách quan, hai công ty đã tiến hành thỏa thuận và đi đến thống nhất hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI ngày 20/7/2022 và Công ty M1 trả lại cho Công ty Y số tiền đặt trước là 142.560.000đ trong tháng 12/2022. Đến ngày 15/02/2023, do tình hình Công ty M1 gặp khó khăn nên hai công ty tiếp tục thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán số tiền 142.560.000đ đến ngày 15/03/2023 và thỏa thuận thêm về việc tính lãi đối với số tiền trên với lãi suất 1%/tháng từ ngày 20/02/2023 cho đến khi Công ty M1 trả xong. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên đến nay Công ty M1 vẫn chưa trả được cho Công ty Y khoản tiền đặt trước 142.560.000đ và tiền lãi. Đến nay, Công ty Y khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền đặt trước là 142.560.000đ và tiền lãi của số tiền trên với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 20/02/2023 cho đến nay thì Công ty M1 cũng nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đồng ý trả số tiền đặt trước tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc Công ty M1 phải hoàn trả ngay cho Công ty Y số tiền đã đặt trước là 142.560.000đ và tiền lãi của số tiền trên với lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 20/02/2023 và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử vụ án (khoản tiền lãi được tính đến ngày 30/01/2024 là 16.394.400đ); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 73 BLTTDS; Bị đơn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 30, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Điều 430, 431, 433, 434 Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 4, 34, 37, 306, 312, 314 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1430/12/2016.

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Y, buộc Công ty M1 phải trả cho Công ty Y số tiền 142.560.000đ và tiền lãi chậm thanh toán là 1%/tháng tính đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Công ty M1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty Y khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn Công ty M1. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai công ty đều có đăng ký kinh doanh với nhau và vì mục đích lợi nhuận; bị đơn có trụ sở tại xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện của nguyên đơn; người đại diện theo pháp luật của Công ty M1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty M1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về yêu cầu hoàn trả số tiền đặt trước: Căn cứ theo Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI ngày 20/7/2022, Công ty Y đặt mua của Công ty M1 máy tiện với giá 712.800.000đ và đặt trước số tiền 142.560.000đ tương ứng 20% giá trị hợp đồng. Hai công ty đều thừa nhận nội dung thỏa thuận hợp đồng là đúng và Công ty M1 cũng thừa nhận đã nhận số tiền đặt trước là 142.560.000đ của Công ty Y. Về hình thức của Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký và con dấu của người đại diện theo pháp luật của hai công ty; nội dung của Hợp đồng mua bán đều tuân thủ theo quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp Hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 407 Bộ luật dân sự do đó Hợp đồng nêu trên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết. Quá trình thực hiện Hợp đồng, vào ngày 21/12/2022 vì nhiều lý do, hai công ty có tiến hành thỏa thuận và đi đến thống nhất phương án hủy bỏ toàn bộ Hợp đồng mua bán số 20.07.2022/HĐMB/CNTH-YAMAGUCHI ngày 20/7/2022 và Công ty M1 có trách nhiệm trả lại Công ty Y số tiền đặt trước là 142.560.000đ. Thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng mua bán nêu trên được các bên lập thành Biên bản hủy hợp đồng ngày 21/12/2022 và đều được các bên nhất trí do

đó thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng nêu trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự và Điều 312 Luật thương mại. Căn cứ theo Biên bản hủy hợp đồng ngày 21/12/2022, Công ty M1 có nghĩa vụ trả lại Công ty Y số tiền đặt trước là 142.560.000đ trong tháng 12/2022 tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên đến nay Công ty M1 xác nhận vẫn chưa trả được khoản tiền trên cho Công ty Y do đó việc Công ty Y khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty M1 phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước là 142.560.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 314 Luật thương mại.

[2.2] *Về yêu cầu tính lãi:* Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 15/02/2023, Công ty Y có thỏa thuận với Công ty M1 về việc tính lãi của khoản tiền 142.560.000đ bắt đầu từ ngày 20/02/2023 với lãi suất được hai bên thỏa thuận là 1%/tháng và tại Biên bản làm việc ngày 15/12/2023, Công ty M1 tiếp tục đồng ý tính lãi suất của khoản tiền trên là 1%/tháng. Thỏa thuận về lãi suất này của hai bên phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại do đó cần được chấp nhận. Đến nay, Công ty M1 xác định chưa trả được cho Công ty Y khoản tiền lãi nêu trên do đó cần chấp nhận yêu cầu về tính lãi của nguyên đơn, buộc Công ty M1 phải trả cho Công ty Y khoản tiền lãi của số tiền 142.560.000đ theo lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng được tính từ ngày 20/02/2023 cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử. Cụ thể, số tiền lãi chưa thanh toán được tính đến ngày 30/01/2024 là 16.394.400đ.

[2.3] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 398; Điều 401; Điều 430, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 4, Điều 24; Điều 306, Điều 312, Điều 314 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Y.

1. Buộc Công ty TNHH M1 phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Y số tiền đặt trước là 142.560.000đ và tiền lãi của số tiền trên với lãi suất là 1%/tháng được tính từ ngày 20/02/2023 cho đến ngày xét xử vụ án là 16.394.400đ. Tổng cộng là 158.954.400đ (một trăm năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Công ty TNHH M1 phải chịu 7.947.720đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty Cổ phần Y số tiền tạm ứng án phí 3.650.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/00004373 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải